

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số 27/2015/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn,
quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2014**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 ngày 6 năm 2003 của Chính phủ Về ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 3366 /TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2014;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2014, cụ thể như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ, làm thủ tục quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XV, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- TT Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Anh

BIỂU TỔNG HỢP

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014 ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT

(Kèm theo Nghị quyết số 27/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. Thu ngân sách Nhà nước phân chia cho các cấp

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng thu NSNN	NS Trung ương	NS địa phương	Trong đó		
					NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
	Tổng thu NSNN	11.786.340.597.902	189.589.574.348	11.596.751.023.554	6.641.692.492.991	4.241.844.249.012	713.214.281.5
I	Thu cân đối NSNN	2.231.188.351.785	189.589.574.348	2.041.598.777.437	1.312.032.904.767	653.157.168.644	76.408.704.0
1	Thu ngân sách NN trên địa bàn (các khoản thu thuế phí, lệ phí và thu khác)	1.200.399.149.198	189.589.574.348	1.010.809.574.850	680.498.401.735	310.751.017.439	19.560.155.6
	Trong đó	-		-			
	- Các khoản thu NSDP hưởng	1.010.809.574.850		1.010.809.574.850	680.498.401.735	310.751.017.439	19.560.155.6
2	Thu viện trợ	27.781.219.426		27.781.219.426	1.553.607.966		26.227.611.4
3	Thu tiền huy động đầu tư theo K3-Đ8 Luật NSNN	110.261.375.949		110.261.375.949	110.261.375.949		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	5.378.948.679		5.378.948.679	598.690.754	3.433.262.581	1.346.995.1
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	887.367.658.533		887.367.658.533	519.120.828.363	338.972.888.624	29.273.941.1
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.430.311.015.275		9.430.311.015.275	5.237.062.533.653	3.562.604.883.000	630.643.598.6
III	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	17.019.349.042		17.019.349.042	15.258.240.764	1.761.108.278	
IV	Các khoản thu quản lý qua NSNN	107.821.881.800		107.821.881.800	77.338.813.807	24.321.089.090	6.161.978.1

B. Chi ngân sách địa phương

TT	Chỉ tiêu	Tổng chi NSNN	Trong đó: Phân chi các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng chi NSDP	11.590.850.693.885	6.640.122.241.532	4.239.084.909.101	711.643.543.252
I	Chi cân đối NSDP	7.272.762.252.506	3.000.179.815.810	3.568.861.980.625	703.720.456.071
1	Chi đầu tư phát triển	1.476.560.180.850	813.299.884.506	652.829.262.344	10.431.034.000
	Trong đó:	-			
	- Chi xây dựng cơ bản	1.475.560.180.850	812.299.884.506	652.829.262.344	10.431.034.000
	- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo chế độ	1.000.000.000	1.000.000.000		
2	Chi trả nợ (gốc và lãi) theo K3-Đ8 Luật NSNN	122.102.425.187	122.102.425.187		
3	Chi thường xuyên	4.802.692.235.041	1.417.961.191.545	2.718.868.007.471	665.863.036.025
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300.000.000	1.300.000.000		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau	870.107.411.428	645.516.314.572	197.164.710.810	27.426.386.046
II	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	4.193.248.481.622	3.562.604.883.000	630.643.598.622	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	17.019.349.042		15.258.240.764	1.761.108.278
IV	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN	107.820.610.715	77.337.542.722	24.321.089.090	6.161.978.903

C. Cân đối thu chi NSDP

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó: Phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSDP	11.596.751.023.554	6.641.692.492.991	4.241.844.249.012	713.214.281.551
II	Tổng chi NSDP	11.590.850.693.885	6.640.122.241.532	4.239.084.909.101	711.643.543.252
	Chênh lệch thu - chi	5.900.329.669	1.570.251.459	2.759.339.911	1.570.738.299

(Chữ ký)